

## TỜ TRÌNH

### Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Điều lệ của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp theo quy định: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC với các nội dung chính như sau:

#### 1. Về hình thức:

- Điều lệ mới (ĐLM) gồm: 21 Chương, 58 Điều.
- Thay đổi thuật ngữ của một số điều; Thay đổi tên điều khoản (Điều 15, Điều 35, Điều 37 ĐLM); Bỏ điều khoản (Điều 38 ĐLHH); Tách thành điều khoản mới, bổ sung điều khoản mới (Điều 35, Điều 36, Điều 38 ĐLM).

#### 2. Về nội dung:

##### a) Hủy bỏ:

- Bỏ một số nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành (ĐLHH): Điểm f Khoản 1. Điều 25 - Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị; Điểm e Khoản 2. Điều 27 - Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; Điểm g, h Khoản 3 Điều 32 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc...

##### b) Bổ sung:

- Bổ sung các thuật ngữ: Người quản lý doanh nghiệp, Cổ đông, Cổ đông sáng lập, Sở giao dịch chứng khoán (Điều 1).
- Bổ sung một phần nội dung tại các điểm, mục của điều khoản.

##### c) Thay đổi:

- Thay đổi nội dung mới so với ĐLHH, cụ thể:
  - + Thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần để thực hiện: Các quyền của cổ đông như đề cử, ứng cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, xem xét, tra cứu tài liệu...(Điều

11); Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (Điều 18); Biểu quyết các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông, thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (Điều 16, Điều 18, Điều 20)...

+ Thay đổi thời hạn tối thiểu đối với các sự kiện: Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (10 ngày), Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông (21 ngày), Gửi thông báo họp Hội đồng quản trị (03 ngày), Gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông (10 ngày)...

+ Một số quy định mới như: Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị (*không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp*), Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị (*tùy theo số thành viên Hội đồng quản trị*), Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty (*được tái bổ nhiệm không giới hạn nhiệm kỳ*), Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc...

- Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 03 người (ĐLHH: 05 người).

(Kèm theo: Bảng so sánh nội dung thay đổi và Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Lưu: VPTH, Hồ sơ ĐHCĐ.



**Hoàng Văn Hiến**

**BẢNG SO SÁNH CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI TẠI ĐIỀU LỆ MỚI  
THEO THÔNG TƯ SỐ 116/2020/TT-BTC**

(Kèm theo Tờ trình số /TT- HĐQT ngày /4/2021 của Hội đồng quản trị Công ty IDICO-INCON)

- Căn cứ: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty CP Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO-INCON) theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

DỰ ANH CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)	DỰ ANH CHỈNH SỬA ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO (IDICO-INCON)	CHỮ GIẢI
<p><b>A. Về hình thức: Phần mở đầu, 21 chương, 58 điều</b></p>	<p><b>A. Về hình thức: Phần mở đầu, 16 chương, 57 điều</b></p>	
<p><b>B. Về nội dung:</b></p> <p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) "Luật doanh nghiệp" là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</u>;</p> <p>d) "Luật Chứng khoán" là <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019</u>;</p> <p>e) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p>	<p><b>Không quy định</b></p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là <u>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</u>;</p> <p>c. "Luật Chứng khoán" là <u>Luật Chứng khoán số 70/2016/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2016 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán</u>;</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu);</p>	<p>Bổ sung mới</p> <p>Thay đổi</p> <p>Thay đổi</p> <p>Bổ sung thêm</p>

<p>h) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>i) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại <u>Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p><i>Thay đổi</i></p>
<p>k) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>l) "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>m) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p>i. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán</u>;</p>	<p><i>Thay đổi</i></p>
<p>o) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p><b>Không quy định</b></p>	<p>k. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.</p>	<p><i>Thay đổi</i></p>
<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</b>                  Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh <u>theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</u>.</p>	<p><b>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>                  1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty</u>.</p>	<p><i>Quy định chi tiết nhân mạnh hình thức đăng ký</i></p>
<p><b>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>                  6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ</p>	<p><b>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>                  7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là</u></p>	<p><i>Điều lệ mới bỏ quy định việc xử lý cổ phần do Công ty</i></p>

<p>này và pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này. Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</i></p>	<p>mua lại</p>
<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. <u>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) <u>Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>- Thay đổi định nghĩa xác định quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu.</p> <p>- Bổ sung mới quy định về cam kết chịu trách nhiệm của người đề nghị cấp lại cổ phiếu mới.</p>
<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)</b></p> <p>Công ty không trường hợp này nên đề nghị bỏ Điều 10</p>	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông với những cổ phần đó, <u>nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lãi vào thời điểm thu hồi</u> theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng</p>	<p>Thay đổi bổ sung, quy định nghĩa vụ tài chính cao hơn.</p> <p>- Điều lệ mới quy định trách nhiệm pháp lý rõ ràng</p>

<p><b>Điều 11. Quyền của cổ đông</b> <i>Đã quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ</i></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p><b>Bổ quy định này</b></p> <p>g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</u></p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật</p>	<p>quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thành toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có <u>thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</u></p> <p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>hơn. -Điều lệ mới bỏ quy định này</p>
<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</u></p>	<p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Quy định ngắn gọn hơn</p>
<p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</u></p>	<p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Thay đổi điều luật</p>
<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p><b>Không quy định</b></p>	<p>Bổ sung mới</p>

<p>Doanh nghiệp;</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p><u>Tách ra quy định tại Khoản 3 Điều 12</u></p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p><b>Không quy định</b></p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>
<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [05]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại <u>Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này</u>;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp</u>;</p>	<p><b>Không quy định</b></p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân</u>, <u>Giấy chứng minh nhân dân</u>, <u>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ</p>
<p>Bỏ quy định thời hạn sở hữu CP</p>	<p>Thay đổi điều luật</p> <p>Bổ sung mới</p> <p>Thay đổi</p> <p>Quy định chung giấy tờ pháp lý của cổ đông</p>

<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>số hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên</i> hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>phân của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>- Quy định về quyền đề cử tại mục a. Khoản 3 Điều 12: tỷ lệ số hữu của cổ đông và nhóm cổ đông là 5%.</p> <p>- Quy định Nội dung thực hiện đề cử</p>	<p><i>Thay đổi bổ sung: tách ra điều khoản riêng và tăng tỷ lệ sở hữu lên mới có quyền đề cử.</i></p>
<p><b>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>Cổ đông <i>phổ thông</i> có các nghĩa vụ sau:</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp</p>	<p><b>Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p> <p><i>Bổ sung mới</i></p>



<p>pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p><b>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. ... <u>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua <u>báo cáo tài chính năm được kiểm toán</u>. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u>. Công ty phải mời <u>đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp</u>. Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>		<p style="text-align: center;"><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Không quy định</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời <u>đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</u></p>	<p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Điều chỉnh bổ sung mới và quy định rõ mời Đơn vị kiểm toán được chấp thuận dự ĐH chủ không phải là đơn vị kiểm toán độc lập bất kỳ.</i></p>
<p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p><b>Bổ quy định này</b></p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p>	<p style="text-align: center;"><i>Thay đổi mới</i></p>	
<p>b). Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p>	<p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p>	<p style="text-align: center;"><i>Điều chỉnh rút gọn</i></p>	
<p>d). Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc</p>	<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc</p>	<p style="text-align: center;"><i>Điều chỉnh rút gọn</i></p>	

<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	<p><u>Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình:</u></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Điều lệ mới bỏ quy định thời hạn 30 ngày.</p> <p>- Điều chỉnh thay đổi “quyền thay thế HĐQT, BKS” bằng “quyền yêu cầu đại diện Công ty”</p>
<p><b>Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>- Quy định chi tiết 13 quyền và nghĩa vụ</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính</p>	<p><b>Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Không quy định mục này.</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. <u>Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị</p>	<p>Thay đổi thuật ngữ</p> <p>DL cũ: tách 02 điều khoản (ĐHĐCĐ thường niên và bất thường).</p> <p>DL mới: quy định 01 điều khoản</p> <p>DL mới: bỏ quy định mức cổ tức trần do HĐQT đề nghị.</p>
		<p>Điều chỉnh bổ sung</p>

<p><i>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</i>];</p>	
<p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p>
<p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p>
<p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p>
<p>s) Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có vay, bán tài sản giá trị lớn hơn 10% và nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>	<p><b>Không quy định</b></p>
<p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p><b>Không quy định</b></p>
<p><b>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b>                  1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể <u>trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p><b>Điều 16. Đại diện được ủy quyền</b>                  Chỉ quy định cổ đông và người được ủy quyền <u>tham dự họp trực tiếp.</u></p>
	<p>Khoản 3 Điều 144 Luật DN quy định các hình thức tham dự và biểu quyết của CD: trực tiếp, ủy quyền, trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết qua thư, fax, thư điện tử và phương tiện khác mà Điều lệ quy định</p>

<p><b>Điều 16. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.</p> <p><u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều lệ mới qđ 02 trường hợp thay đổi hủy bỏ liên quan đến CP ưu đãi:</p> <p>1. Thay đổi hoặc hủy bỏ quyền đặc biệt gắn liền với CP ưu đãi;</p> <p>2 Thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của CD sở hữu CP ưu đãi</p>
<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá [10 ngày]</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn].</p> <p><u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u></p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p>- Thay đổi thời hạn lập danh sách trước ngày gửi TB họp. Đề đảm bảo thời gian tổ chức ĐH, đề nghị gửi nguyên 05 ngày như DL cũ.</p> <p>- B/s qđ thời hạn công bố thông tin về lập DSSCD</p>
<p>3.... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn]</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	<p>3.... Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Thay đổi thời hạn gửi TB mời họp: Điều lệ cũ: 15 ngày Điều lệ mới: 21 ngày</p>

<p><b>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <u>đạt diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp <u>đạt diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>2. <u>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp.</u> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Thay đổi thuật ngữ và điều chỉnh giảm tỷ lệ đủ để tiến hành họp</p> <p>Điều lệ mới bỏ quy định thời hạn hủy cuộc họp lần thứ nhất (30 phút...)</p>
<p><b>Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>họp trực tuyến. Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điền từ khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP</u> ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thì hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p><b>Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ <u>[65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), <u>mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</u></p> <p><b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi <u>có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p>	<p>Điều lệ cũ: Tham gia ĐH trực tiếp</p> <p>Điều lệ mới: Họp trực tuyến, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử...</p> <p>Điều chỉnh tỷ lệ Khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật DN qđ: - Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải</p>

- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) [Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định].
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định].
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- \* Quy định tại Điều lệ mới khác với Điều lệ cũ:
- Các nội dung thông qua khi đạt tỷ lệ tổng số phiếu biểu quyết cao nhất (từ 65% trở lên), trong đó:
    - + Bổ nội dung: Sửa đổi bổ sung điều lệ;
    - + Bổ sung 02 nội dung Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý
  - Các nội dung khác thông qua khi đạt số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành
  - Các nội dung quy định tại Khoản 4 và 6 Điều 144 LDN.

- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu..(K.3)

- Thông qua NQ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì NQ ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số CĐ sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. (K.4)

- NQ ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của CĐ sở hữu CP ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số CĐ ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số CP ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các CĐ ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong TH thông qua

	<p><b>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp</u> [nêu Điều lệ công ty không có quy định khác].</p> <p>2. Thời hạn “gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết <u>chậm nhất 10 ngày</u> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến”.</p> <p>3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</p>	<p><i>NQ dưới hình thức lấy ý kiến bằng VB (K.6)</i></p> <p><i>Khoản 2 Điều 147 quy định các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức BQ tại ĐHĐCĐ:</i></p> <p><i>a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>b) Định hướng phát triển công ty;</i></p> <p><i>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</i></p> <p><i>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>đ) QĐ đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên;</i></p> <p><i>e) Thông qua BCTC;</i></p> <p><i>g) Tở chức lại, giải thể công ty.</i></p>
<p><b>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>2. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đến các cổ đông “phải gửi <u>ít nhất 15 ngày</u> trước hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến”.</p> <p>3 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông <u>đại diện ít nhất 51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận</p>		
<p><b>Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1 i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy</u></p>	<p><b>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p>Bổ sung mới</p>

<p><u>định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. <u>Nghi quyết.</u> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, <u>tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</u> và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Điều chỉnh bổ sung</i></p>
<p><b>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. <b>Bổ quy định này</b></p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty:</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] đến dưới [30%] được đề cử tối đa [02] ứng viên; Từ [30%] đến dưới [40%] được đề cử tối đa [03] ứng viên; Từ [40%] đến dưới [50%] được đề cử tối đa [04] ứng viên; Từ [50%]</p>	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1.</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p> <p>2. Các cổ đông <u>nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần</u> có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ</p>	<p style="text-align: center;"><i>Thay đổi hủy bỏ</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Thay đổi bổ sung</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Điều lệ mới:</i></p> <p style="text-align: center;"><i>- Hủy bỏ thời hạn nắm giữ CPPT ít nhất 6 tháng</i></p> <p style="text-align: center;"><i>- Tăng tỷ lệ sở hữu lệ 10% có quyền đề</i></p>



<p>trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].</p>	<p>40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p> <p>Không quy định</p>	<p>cử</p>
<p><b>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo <u>tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u></p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Không quy định nhiệm kỳ của thành viên độc lập HĐQT</p> <p><i>Bổ sung mới</i></p>	<p><i>Bổ sung mới</i></p>
<p>[Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) <u>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> c) <u>Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông <u>miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <b>Không quy định</b></p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><i>Bổ sung thêm</i></p>	<p><i>Bổ sung thêm</i></p>
<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm</p>	<p><i>Điều lệ mới: Quy định rõ ràng cụ thể các trường hợp miễn nhiệm bãi</i></p>

<p>* <u>Miễn nhiệm:</u></p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>* <u>Bãi nhiệm:</u></p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>* <u>Thay thế:</u> Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại K1 và K2 Điều lệ này.</p>	<p>không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. <u>Bị rớt loan tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>nhiệm và thay thế.</p>
<p><b>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. c) <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p>	<p><b>Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p>	<p>Điều lệ mới; thay từ “quyết định” cho từ “đề xuất”, quy định HĐQT được quyền huy động vốn theo hình thức khác chứ không chỉ có trái phiếu theo Điều lệ cũ.</p>
<p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p>	<p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>	<p>Bỏ quy định phải được ĐHĐCĐ ủy quyền (do HĐQT chỉ được đề xuất).</p>
<p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời</p>	<p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p>	<p>Điều lệ mới nêu rõ điều khoản áp dụng trong trường hợp</p>

<p>hạn 12 tháng. <u>Trường hợp khác, việc mua lại có phân do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. <u>Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.</u></p>	<p>HDQT quyết định mua lại CP; không quy định về việc thu hồi CP</p>
<p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức <u>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</u></p>	<p>Bổ sung thêm trường hợp xử lý lỗ phát sinh (nếu có)</p>
<p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; <u>yêu cầu phá sản Công ty.</u></p>	<p>Bổ sung yêu cầu phá sản</p>
<p>q) Quyết định ban hành <u>Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị</u>. Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Quy chế về công bố thông tin của công ty.</u></p>	<p>Bổ sung thêm các Quy chế mới</p>
<p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p>	
<p><b>Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Công ty có <u>quyền trả thù lao, thưởng</u> cho thành viên Hội</p>	<p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 02 (hai) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p><b>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện</p>

- Điều lệ mới quy định: *Trà thù lao,*

<p>đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.</p> <p>Thù lao công việc <u>được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ</u> của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị <u>được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp</u>, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>được ủy quyền) <u>được nhân thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị</u>. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị <u>do Đại hội đồng cổ đông quyết định</u>. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp <u>phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thương niên của Công ty</u>.</p>	<p>thường là quyền của Công ty, trả theo ngày công, được tính vào CP kinh doanh, báo cáo trong BCTC và báo cáo ĐHCĐ.</p> <p>- Điều lệ cũ quy định: TV HĐQT được nhận thù lao cho công việc và do ĐHCĐ quyết định</p>
<p><b>Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>do Hội đồng quản trị bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm</u> trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc</u>.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>d) <u>Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch</u>.</p> <p><b>Không quy định</b></p> <p><b>Không quy định</b></p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p>DL mới: Bỏ qđ ĐHCĐ bầu CT HĐQT</p> <p>Bỏ sung mới</p> <p>Bỏ sung mới</p> <p>Bỏ sung mới</p>

<p>trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>.</p>		
<p>6. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp.</u></p>	<p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. <u>Ban kiểm soát</u>.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên <u>ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.</u></p>	<p>Bổ sung thành viên độc lập HĐQT đề nghị triệu tập họp</p>	<p>Điều chỉnh thời gian gửi TB họp</p>
<p><b>Không quy định</b></p> <p><u>Đề nghị giữ nguyên trong Điều lệ mới</u></p>	<p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>		<p>Điều lệ mới không quy định</p>

<p><b>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. ...Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, <u>lời đề là năm (05) năm</u>. Người phụ trách quản trị công ty có thể <u>kiếm nhiệm làm Thư ký Hội đồng quản trị</u>.</p>	<p><b>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. ...Người phụ trách quản trị công ty có thể <u>kiếm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Điều lệ mới không quy định nhiệm kỳ của người quản trị và đổi tên Thư ký HĐQT thành Thư ký công ty</p>
<p><b>Điều 33. Người điều hành Công ty</b></p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p><b>Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p><b>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b></p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (TGD) không quá 05 năm và có thể được <u>bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>.</p>	<p><b>Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</b></p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.</p>	<p>- Bổ sung mới về bổ nhiệm lại GD không hạn chế số nhiệm kỳ</p>
<p>4. Giám đốc (TGD) có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>c) <u>Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty</u>;</p> <p>đ) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty</u>, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty</u>, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>g) Tuyền dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong KD;</p>	<p>3. Giám đốc điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>b. “...tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất”;</p> <p>e. <u>Kiến nghị số lương và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ</u> và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp đề Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. <u>Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị</u> để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p><b>Không quy định tại Điều này</b></p>	<p>- Giao quyền chủ động cho GD trong điều hành SXKD</p>
		<p>Bổ sung mới</p>

<p><b>Không quy định</b></p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p>g. Vào quý I hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p>	<p><i>Đề nghị vẫn giữ nguyên mục g. trong Điều lệ mới</i></p>
<p><b>Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.</p>	<p><i>Bỏ quy định thời hạn nắm giữ 6 tháng liên tục</i></p> <p><i>Tăng tỷ lệ sở hữu từ 5% lên 10% mới có quyền đề cử</i></p>
<p><b>Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 36. Kiểm soát viên</b></p>	<p><i>Đổi tên điều khoản</i></p>
<p><b>Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát</b> (Tách thành điều mới)</p> <p>1. ...Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 36</b></p> <p>Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p><i>Điều lệ mới quy định mở rộng lĩnh vực chuyên môn của Trưởng BKS</i></p>
<p><b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại</p>	<p><b>Điều 37. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định</p>	<p><i>Điều lệ mới quy định về quyền hạn</i></p>

<p><u>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</u> như sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê duyệt danh sách</u> tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; <u>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u></p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), <u>người quản lý khác.</u></p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p>	<p>tại <u>Điều 165 Luật Doanh nghiệp</u> như sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập</u> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và <u>cổ đông;</u></p> <p><b>Không quy định</b></p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>và nghĩa vụ của BKS tổng quát đầy đủ hơn, tăng quyền của BKS</p> <p>Điều chỉnh</p> <p>Bổ sung mới</p> <p>Thay đổi điều chỉnh</p>
<p><b>Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 37. Ban Kiểm soát</b></p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p>Bổ sung mới</p>
<p><b>Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở,</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 37. Ban Kiểm soát</b></p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều lệ mới quy định chi tiết hơn về tiền lương, thù lao và chi phí của BKS</p>



<p>đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p><u>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u></p>	<p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p> <p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p>
<p><b>Bổ điều khoản</b></p> <p><b>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p style="text-align: center;"><b>Điều 38. Trách nhiệm cần trọng</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Không quy định</b></p> <p style="text-align: center;"><i>Bổ sung mới</i></p>
<p><b>Không quy định</b></p>	<p>4. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>

<p><b>Không quy định</b></p>	<p>5. c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>		
<p><b>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b> <b>Bổ quy định này</b></p>	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p><b>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p><b>Điều 41. Quyền <u>điều tra</u> sổ sách và hồ sơ</b> <b>Không quy định</b></p>
<p><b>Điều 52. Dấu của doanh nghiệp</b></p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p><b>Điều 51. Con dấu</b> <b>Không quy định</b></p>	<p><i>Thay đổi thuật ngữ</i> <i>Bổ sung mới điều khoản này</i></p>	<p><i>Điều lệ mới thể hiện ngắn gọn đầy đủ</i></p> <p><i>Bổ sung mới để cập nhật tình hình thực tế, phù hợp với giao</i></p>

<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại đầu, số lượng, hình thức và nội dung đầu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p>	<p>địch điện tử hiện nay</p>
<p><b>Điều 53. Giải thể Công ty</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p><b>Không quy định</b></p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p>	<p><b>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>b. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>c. <u>Giải thể trước thời hạn</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p><b>Không quy định</b></p>	<p>Thay đổi thuật ngữ                  DL mới: không sử dụng từ chấm dứt hoạt động                  Sửa đổi                  Bổ sung mới</p>